

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẢNG BOM  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **173/2020/HSST**

Ngày: 17/8/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM – TỈNH ĐỒNG NAI**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Và Kíu.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đặng Quang Hoạch  
Bà Đào Thị Giang

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hải Yến.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tham gia phiên tòa:*  
Ông Phạm Ngọc Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 177/2020/TLST-HS ngày 16/7/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 165/2020/QĐXXST-HS ngày 05/8/2020 đối với bị cáo:

**Trần Thị Thu H**, sinh năm 1990; tại Hải Dương.

HKTT: Số 514, phố V, khu 3, phường V, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Không.

Con ông Trần Văn V (đã chết).

Con bà: Ngô Thị U'.

Có chồng tên: Nguyễn Huy H, sinh năm 1991

Bị cáo chưa có con.

Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị giam giữ ngày 15/05/2020. Hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ công an huyện Trảng Bom.

**Bị hại:** Chị Nguyễn Thị Bé L – sinh năm 1981

Trú tại: Số 58, đường 12, ấp A, xã T, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

(Bị cáo, bị hại cùng có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Trần Thị Thu H là nhân viên tư vấn bán hàng qua điện thoại (mã nhân viên: TSA6) cho Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng tại chi nhánh 144, đường Cộng Hoà, phường 12, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh. Từ tháng 06/2017 đến ngày 17/7/2018, H bị công ty cho thôi việc. Từ

ngày 02/10/2018, H sử dụng chứng minh nhân dân số 1424935 do Công an tỉnh Hải Dương cấp ngày 03/4/2014 để tiếp tục xin vào công ty làm việc, đến ngày 18/3/2019 bị buộc thôi việc do chiếm dụng tiền của khách hàng. Do là nhân viên tư vấn bán hàng H biết được thông tin và số điện thoại của khách hàng nên đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của chị Nguyễn Thị Bé L, sinh năm 1981, HKTT: ấp A, xã T, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai là khách hàng vay tiền của Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng.

Quá trình làm việc tại Công ty H biết được ngày 23/12/2017 chị L có vay tiền của công ty tài chính TNHH MTV ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng theo hợp đồng dân sự số 201712230012532 với số tiền 52.000.000 đồng. Đến ngày 07/11/2018 chị L có vay thêm của ngân hàng số tiền 23.500.000 đồng với hợp đồng dân sự số 201811070002796. Trong quá trình vay vốn theo hợp đồng chị L phải đóng tiền gốc, lãi vào ngày 01 hàng tháng nhưng chị L hay đóng trễ (đến ngày 10 hàng tháng mới đóng). Mặc dù không còn là nhân viên của công ty từ ngày 18/3/2019 và cũng không có chức năng yêu cầu khách hàng phải thanh lý hợp đồng nhưng H đã điện thoại trực tiếp yêu cầu chị L phải thanh lý hợp đồng vay vốn trên do chị L vi phạm hợp đồng và nói với chị L nếu không thanh lý sẽ cho người đến nhà quây phá nhằm yêu cầu chị L phải thanh lý hợp đồng và chiếm đoạt số tiền mà chị L thanh lý hợp đồng cho công ty.

Ngày 18/4/2019 H xuống nhà chị L tại ấp An Bình, xã Trung Hoà yêu cầu chị L phải thanh lý hợp đồng dân sự số 201811070002796 thu hồi số tiền 23.500.000 đồng để nộp lại cho công ty. Do trước đó H có làm hồ sơ vay vốn cho chị L nên chị L tin tưởng H là người của công ty nên đồng ý giao tiền trên cho H để thanh lý hợp đồng cho công ty. H đã viết biên bản thanh lý hợp đồng vay và có đóng dấu đỏ đã thu tiền “NGÂN HÀNG QUÂN ĐỘI-CHI NHÁNH TPHCM, ĐÃ THU TIỀN” và có ký tên vào biên bản.

Ngày 12/7/2019, H tiếp tục xuống nhà chị L yêu cầu thanh lý luôn hợp đồng dân sự số: 201712230012532 còn lại là 27.600.000 đồng, chị L đồng ý và H cũng làm biên bản thanh lý hợp đồng như lần trước có đóng dấu đỏ đã thu tiền “VPBANK HỘI SỞ, ĐÃ TẮT TOÁN”, “ĐÃ THU TIỀN” và ký tên vào biên bản.

Tiếp đó, ngày 14/8/2019 H dùng điện thoại gọi cho chị L yêu cầu đóng tiền lãi là 4.600.000 đồng thì công ty mới huỷ hợp đồng vay vốn. Chị L nghe vậy nên đi đến cửa hàng Vietteli Store ở ngã ba Trị An, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom nạp vào số tài khoản 101016501600 cho Trần Thị Thu H số tiền 4.600.000 đồng.

Đến ngày 01/8/2019 thì nhân viên công ty tài chính TNHH MTV ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng đến nhà chị L xác minh thì chị L có cung cấp các giấy tờ liên quan đến việc thanh lý hợp đồng cho công ty mà chị L đã làm việc với H. Sau đó công ty thông báo cho chị L biết H không chuyển tiền về cho công ty và đã nghỉ việc tại công ty TNHH MTV ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng. Chị L nhiều lần liên lạc bằng điện thoại nhưng không được nên đã làm đơn tố cáo H về hành vi chiếm đoạt tài sản

Ngày 04 tháng 02 năm 2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Trần Thị Thu H về tội: “Lừa

đạo chiếm đoạt tài sản” quy định tại Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015; Ngày 15/5/2020, Trần Thị Thu H đến Cơ quan CSĐT Công an quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội đầu thú và khai nhận hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị Liên như đã nêu ở trên, Cơ quan CSĐT Công an quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội đã chuyển hồ sơ, tài liệu cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom để xử lý theo thẩm quyền.

Ngày 03/12/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 518/QĐ trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Đồng Nai giám định hình dấu chữ nhật “NGÂN HÀNG QUÂN ĐỘI – CHI NHÁNH TP.HCM, ĐÃ THU TIỀN”.

Tại bản kết luận số 1568/KLGD – PC09 ngày 27/12/2020 của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Đồng Nai kết luận: Hình dấu chữ nhật “NGÂN HÀNG QUÂN ĐỘI – CHI NHÁNH TP.HCM, ĐÃ THU TIỀN” trên tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định với hình dấu chữ nhật “NGÂN HÀNG QUÂN ĐỘI – CHI NHÁNH TP.HCM, ĐÃ THU TIỀN” tương ứng trên tài liệu nêu ở mẫu so sánh không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Ngày 27/12/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 03/QĐ trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Đồng Nai giám định chữ ký, chữ viết của “Trần Thị Thu H” trên các biên bản thanh lý hợp đồng có phải của Trần Thị Thu H không.

Tại bản kết luận số 1745/KLGD – PC09 ngày 17/01/2020 của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Đồng Nai kết luận: Toàn bộ chữ ký, chữ viết (loại trừ chữ viết “Nguyễn Thị Bé L” tại phần mục người làm chứng 1) trên các tài liệu cần giám định với chữ ký và chữ viết trên các tài liệu ở phần mẫu so sánh do cùng một người viết ra.

Tại bản cáo trạng số 199/CT-VKS-TB ngày 15/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom truy tố bị cáo Trần Thị Thu H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

#### **Tại phiên tòa:**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị HĐXX áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi bổ sung năm 2017*) xử phạt bị cáo Trần Thị Thu H từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DSST theo quy định của pháp luật.

#### **Xử lý vật chứng:**

+ Đối với 01 (một) điện thoại di động 1202 màu đen và số thuê bao (không nhớ số) mà H sử dụng liên lạc để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị L, do H đã vứt bỏ không nhớ rõ ở đâu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ truy tìm.

+ Đối với một dấu “NGÂN HÀNG QUÂN ĐỘI-CHI NHÁNH TP.HCM, ĐÃ THU TIỀN” do H đã làm mất nhưng không nhớ mất ở đâu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ truy tìm.

Về dân sự: Bị cáo H đồng ý bồi thường số tiền 55.700.000 đồng (năm mươi lăm triệu bảy trăm ngàn đồng) cho chị L. Tuy nhiên bị cáo vẫn chưa bồi thường cho bị hại.

Bị cáo không tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên và đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung tại Cáo trạng đã nêu. Bị cáo H nói lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1]** Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trảng Bom, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

**[2]** Về trách nhiệm hình sự:

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị Thu H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng số 199/CT-VKS-HS ngày 15/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom đã truy tố, đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 18/4/2019 đến ngày 14/8/2019 tại ấp A, xã Trung Hoà, huyện T, tỉnh Đồng Nai, bị cáo đã nhiều lần có hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản của chị Nguyễn Thị Bé L, cụ thể: Ngày 18/4/2019, H chiếm đoạt số tiền 23.500.000 đồng; Ngày 12/7/2019, H chiếm đoạt số tiền là 27.600.000 đồng; Ngày 14/8/2019, H chiếm đoạt số tiền là 4.600.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo H chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Bé L là 55.700.000 đồng.

Như vậy, bị cáo dùng hành vi gian dối mục đích để chiếm đoạt tài sản của bị hại đã phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Bị cáo chiếm đoạt của bị hại số tiền 55.700.000 đồng, do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi bổ sung năm 2017*).

**[3]** Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

\* Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã nhiều lần thực hiện cùng một hành vi phạm tội để chiếm đoạt tài sản của bị hại, cụ thể là 03 lần. Do vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*phạm tội 02 lần trở lên*” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

\* Nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người có nhân thân tốt. Mặc dù, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo bỏ trốn gây khó khăn cho công tác điều tra, truy tố. Tuy nhiên, bị cáo đã ra đầu thú hành vi vi phạm của mình tại cơ quan điều tra. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

**[4]** Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản đã chiếm đoạt là 55.700.000 đồng cho chị Nguyễn Thị Bé L.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo H phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Bộ luật hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

- Tuyên bố bị cáo Trần Thị Thu H phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Thu H **02 (hai)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày **15/5/2020**.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 2 Điều 347, Điều 584, 585, 586, Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

Buộc bị cáo Trần Thị Thu H có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản cho chị Nguyễn Thị Bé L số tiền 55.700.000 đồng (năm mươi lăm triệu, bảy trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Bé L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Trần Thị Thu H chậm thi hành án đối với khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Trần Thị Thu H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và 2.785.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện, VKSND tỉnh;
- Công an huyện;
- Chi cục thi hành án huyện;
- Bị cáo, bị hại;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

- Nhà tạm giữ CA huyện;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**Trần Và Kíu**